

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY BỌC PVC/PVC (VCT) - (450/750V)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển không lưới. VCT		
2C x 0.5 mm ²	2 x 16/0.20	7,240
3C x 0.5 mm ²	3 x 16/0.20	10,500
4C x 0.5 mm ²	4 x 16/0.20	14,200
5C x 0.5 mm ²	5 x 16/0.20	17,600
6C x 0.5 mm ²	6 x 16/0.20	19,700
7C x 0.5 mm ²	7 x 16/0.20	21,850
8C x 0.5 mm ²	8 x 16/0.20	24,500
9C x 0.5 mm ²	9 x 16/0.20	27,300
10C x 0.5 mm ²	10 x 16/0.20	29,050
11C x 0.5 mm ²	11 x 16/0.20	32,000
12C x 0.5 mm ²	12 x 16/0.20	34,600
13C x 0.5 mm ²	13 x 16/0.20	37,500
14C x 0.5 mm ²	14 x 16/0.20	39,250
15C x 0.5 mm ²	15 x 16/0.20	41,950
16C x 0.5 mm ²	16 x 16/0.20	44,350
17C x 0.5 mm ²	17 x 16/0.20	47,000
18C x 0.5 mm ²	18 x 16/0.20	49,400
19C x 0.5 mm ²	19 x 16/0.20	52,700
20C x 0.5 mm ²	20 x 16/0.20	53,650
21C x 0.5 mm ²	21 x 16/0.20	56,250
22C x 0.5 mm ²	22 x 16/0.20	58,900
23C x 0.5 mm ²	23 x 16/0.20	61,300
24C x 0.5 mm ²	24 x 16/0.20	63,950
25C x 0.5 mm ²	25 x 16/0.20	66,300
26C x 0.5 mm ²	26 x 16/0.20	68,700
27C x 0.5 mm ²	27 x 16/0.20	71,200
28C x 0.5 mm ²	28 x 16/0.20	73,800
29C x 0.5 mm ²	29 x 16/0.20	76,150
30C x 0.5 mm ²	30 x 16/0.20	78,500

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển không lưới. VCT		
2C x 0.75 mm ²	2 x 24/0.20	10,600
3C x 0.75 mm ²	3 x 24/0.20	14,550
4C x 0.75 mm ²	4 x 24/0.20	20,500
5C x 0.75 mm ²	5 x 24/0.20	23,600
6C x 0.75 mm ²	6 x 24/0.20	27,900
7C x 0.75 mm ²	7 x 24/0.20	32,200
8C x 0.75 mm ²	8 x 24/0.20	35,150
9C x 0.75 mm ²	9 x 24/0.20	39,300
10C x 0.75 mm ²	10 x 24/0.20	41,900
11C x 0.75 mm ²	11 x 24/0.20	45,500
12C x 0.75 mm ²	12 x 24/0.20	49,250
13C x 0.75 mm ²	13 x 24/0.20	53,400
14C x 0.75 mm ²	14 x 24/0.20	57,000
15C x 0.75 mm ²	15 x 24/0.20	60,900
16C x 0.75 mm ²	16 x 24/0.20	64,500
17C x 0.75 mm ²	17 x 24/0.20	68,500
18C x 0.75 mm ²	18 x 24/0.20	72,100
19C x 0.75 mm ²	19 x 24/0.20	75,700
20C x 0.75 mm ²	20 x 24/0.20	78,600
21C x 0.75 mm ²	21 x 24/0.20	82,100
22C x 0.75 mm ²	22 x 24/0.20	86,050
23C x 0.75 mm ²	23 x 24/0.20	89,600
24C x 0.75 mm ²	24 x 24/0.20	93,500
25C x 0.75 mm ²	25 x 24/0.20	97,050
26C x 0.75 mm ²	26 x 24/0.20	100,600
27C x 0.75 mm ²	27 x 24/0.20	104,300
28C x 0.75 mm ²	28 x 24/0.20	108,100
29C x 0.75 mm ²	29 x 24/0.20	111,700
30C x 0.75 mm ²	30 x 24/0.20	115,200

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY BỌC PVC/PVC (450/750V)

SỐ : GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển không lưới. VCT		
2C x 1.0 mm ²	2 x 32/0.20	14,600
3C x 1.0 mm ²	3 x 32/0.20	19,200
4C x 1.0 mm ²	4 x 32/0.20	27,200
5C x 1.0 mm ²	5 x 32/0.20	30,600
6C x 1.0 mm ²	6 x 32/0.20	36,300
7C x 1.0 mm ²	7 x 32/0.20	41,850
8C x 1.0 mm ²	8 x 32/0.20	45,000
9C x 1.0 mm ²	9 x 32/0.20	51,300
10C x 1.0 mm ²	10 x 32/0.20	55,200
11C x 1.0 mm ²	11 x 32/0.20	59,800
12C x 1.0 mm ²	12 x 32/0.20	63,600
13C x 1.0 mm ²	13 x 32/0.20	70,300
14C x 1.0 mm ²	14 x 32/0.20	73,400
15C x 1.0 mm ²	15 x 32/0.20	80,300
16C x 1.0 mm ²	16 x 32/0.20	83,200
17C x 1.0 mm ²	17 x 32/0.20	90,400
18C x 1.0 mm ²	18 x 32/0.20	95,450
19C x 1.0 mm ²	19 x 32/0.20	100,300
20C x 1.0 mm ²	20 x 32/0.20	103,850
21C x 1.0 mm ²	21 x 32/0.20	108,600
22C x 1.0 mm ²	22 x 32/0.20	113,800
23C x 1.0 mm ²	23 x 32/0.20	118,500
24C x 1.0 mm ²	24 x 32/0.20	121,000
25C x 1.0 mm ²	25 x 32/0.20	128,500
26C x 1.0 mm ²	26 x 32/0.20	133,200
27C x 1.0 mm ²	27 x 32/0.20	138,200
28C x 1.0 mm ²	28 x 32/0.20	143,300
29C x 1.0 mm ²	29 x 32/0.20	148,000
30C x 1.0 mm ²	30 x 32/0.20	152,750

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển không lưới. VCT		
2C x 1.25 mm ²	2 x 40/0.20	18,700
3C x 1.25 mm ²	3 x 40/0.20	24,500
4C x 1.25 mm ²	4 x 40/0.20	34,300
5C x 1.25 mm ²	5 x 40/0.20	38,200
6C x 1.25 mm ²	6 x 40/0.20	45,400
7C x 1.25 mm ²	7 x 40/0.20	50,500
8C x 1.25 mm ²	8 x 40/0.20	55,950
9C x 1.25 mm ²	9 x 40/0.20	62,650
10C x 1.25 mm ²	10 x 40/0.20	66,950
11C x 1.25 mm ²	11 x 40/0.20	72,900
12C x 1.25 mm ²	12 x 40/0.20	79,150
13C x 1.25 mm ²	13 x 40/0.20	85,700
14C x 1.25 mm ²	14 x 40/0.20	91,700
15C x 1.25 mm ²	15 x 40/0.20	98,100
16C x 1.25 mm ²	16 x 40/0.20	104,100
17C x 1.25 mm ²	17 x 40/0.20	110,500
18C x 1.25 mm ²	18 x 40/0.20	116,500
19C x 1.25 mm ²	19 x 40/0.20	122,500
20C x 1.25 mm ²	20 x 40/0.20	127,100
21C x 1.25 mm ²	21 x 40/0.20	132,900
22C x 1.25 mm ²	22 x 40/0.20	139,300
23C x 1.25 mm ²	23 x 40/0.20	145,200
24C x 1.25 mm ²	24 x 40/0.20	151,550
25C x 1.25 mm ²	25 x 40/0.20	157,400
26C x 1.25 mm ²	26 x 40/0.20	163,300
27C x 1.25 mm ²	27 x 40/0.20	169,400
28C x 1.25 mm ²	28 x 40/0.20	175,700
29C x 1.25 mm ²	29 x 40/0.20	181,550
30C x 1.25 mm ²	30 x 40/0.20	187,400

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY BỌC PVC/PVC (450/750V)

SỐ : GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển không lưới. VCT		
2C x 1.5 mm ²	2 x 48/0.2	19,700
3C x 1.5 mm ²	3 x 48/0.2	29,750
4C x 1.5 mm ²	4 x 48/0.2	37,600
5C x 1.5 mm ²	5 x 48/0.2	45,550
6C x 1.5 mm ²	6 x 48/0.2	54,000
7C x 1.5 mm ²	7 x 48/0.2	60,300
8C x 1.5 mm ²	8 x 48/0.2	65,700
9C x 1.5 mm ²	9 x 48/0.2	75,300
10C x 1.5 mm ²	10 x 48/0.2	81,300
11C x 1.5 mm ²	11 x 48/0.2	88,600
12C x 1.5 mm ²	12 x 48/0.2	96,400
13C x 1.5 mm ²	13 x 48/0.2	104,150
14C x 1.5 mm ²	14 x 48/0.2	110,400
15C x 1.5 mm ²	15 x 48/0.2	119,300
16C x 1.5 mm ²	16 x 48/0.2	126,600
17C x 1.5 mm ²	17 x 48/0.2	133,150
18C x 1.5 mm ²	18 x 48/0.2	140,400
19C x 1.5 mm ²	19 x 48/0.2	145,650
20C x 1.5 mm ²	20 x 48/0.2	153,200
21C x 1.5 mm ²	21 x 48/0.2	160,300
22C x 1.5 mm ²	22 x 48/0.2	169,500
23C x 1.5 mm ²	23 x 48/0.2	175,100
24C x 1.5 mm ²	24 x 48/0.2	182,800
25C x 1.5 mm ²	25 x 48/0.2	189,900
26C x 1.5 mm ²	26 x 48/0.2	197,050
27C x 1.5 mm ²	27 x 48/0.2	204,400
28C x 1.5 mm ²	28 x 48/0.2	212,000
29C x 1.5 mm ²	29 x 48/0.2	219,100
30C x 1.5 mm ²	30 x 48/0.2	220,700

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển không lưới. VCT		
2C x 2.5 mm ²	2 x 80/0.2	30,150
3C x 2.5 mm ²	3 x 80/0.2	43,900
4C x 2.5 mm ²	4 x 80/0.2	56,200
5C x 2.5 mm ²	5 x 80/0.2	65,050
6C x 2.5 mm ²	6 x 80/0.2	77,600
7C x 2.5 mm ²	7 x 80/0.2	89,650
8C x 2.5 mm ²	8 x 80/0.2	103,900
9C x 2.5 mm ²	9 x 80/0.2	112,800
10C x 2.5 mm ²	10 x 80/0.2	121,500
11C x 2.5 mm ²	11 x 80/0.2	131,850
12C x 2.5 mm ²	12 x 80/0.2	143,900
13C x 2.5 mm ²	13 x 80/0.2	157,200
14C x 2.5 mm ²	14 x 80/0.2	166,400
15C x 2.5 mm ²	15 x 80/0.2	173,650
16C x 2.5 mm ²	16 x 80/0.2	189,400
17C x 2.5 mm ²	17 x 80/0.2	201,100
18C x 2.5 mm ²	18 x 80/0.2	212,300
19C x 2.5 mm ²	19 x 80/0.2	235,100
20C x 2.5 mm ²	20 x 80/0.2	231,500
21C x 2.5 mm ²	21 x 80/0.2	242,700
22C x 2.5 mm ²	22 x 80/0.2	249,400
23C x 2.5 mm ²	23 x 80/0.2	269,800
24C x 2.5 mm ²	24 x 80/0.2	274,200
25C x 2.5 mm ²	25 x 80/0.2	292,800
26C x 2.5 mm ²	26 x 80/0.2	304,000
27C x 2.5 mm ²	27 x 80/0.2	315,700
28C x 2.5 mm ²	28 x 80/0.2	327,200
29C x 2.5 mm ²	29 x 80/0.2	338,400
30C x 2.5 mm ²	30 x 80/0.2	344,150

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY BỌC PVC/PVC (VCT - SB) - (450/750V)

SỐ : GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển có lưới. VCT - SB		
2C x 0.5 mm ²	2 x 16/0.20	14,500
3C x 0.5 mm ²	3 x 16/0.20	17,500
4C x 0.5 mm ²	4 x 16/0.20	21,100
5C x 0.5 mm ²	5 x 16/0.20	24,650
6C x 0.5 mm ²	6 x 16/0.20	30,200
7C x 0.5 mm ²	7 x 16/0.20	32,200
8C x 0.5 mm ²	8 x 16/0.20	34,450
9C x 0.5 mm ²	9 x 16/0.20	37,500
10C x 0.5 mm ²	10 x 16/0.20	39,400
11C x 0.5 mm ²	11 x 16/0.20	44,600
12C x 0.5 mm ²	12 x 16/0.20	47,400
13C x 0.5 mm ²	13 x 16/0.20	50,600
14C x 0.5 mm ²	14 x 16/0.20	52,000
15C x 0.5 mm ²	15 x 16/0.20	56,400
16C x 0.5 mm ²	16 x 16/0.20	57,500
17C x 0.5 mm ²	17 x 16/0.20	59,800
18C x 0.5 mm ²	18 x 16/0.20	62,400
19C x 0.5 mm ²	19 x 16/0.20	65,300
20C x 0.5 mm ²	20 x 16/0.20	66,900
21C x 0.5 mm ²	21 x 16/0.20	69,000
22C x 0.5 mm ²	22 x 16/0.20	71,900
23C x 0.5 mm ²	23 x 16/0.20	74,400
24C x 0.5 mm ²	24 x 16/0.20	77,200
25C x 0.5 mm ²	25 x 16/0.20	78,950
26C x 0.5 mm ²	26 x 16/0.20	82,200
27C x 0.5 mm ²	27 x 16/0.20	84,900
28C x 0.5 mm ²	28 x 16/0.20	86,800
29C x 0.5 mm ²	29 x 16/0.20	90,200
30C x 0.5 mm ²	30 x 16/0.20	92,700

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển có lưới. VCT - SB		
2C x 0.75 mm ²	2 x 24/0.20	17,700
3C x 0.75 mm ²	3 x 24/0.20	21,300
4C x 0.75 mm ²	4 x 24/0.20	27,900
5C x 0.75 mm ²	5 x 24/0.20	30,400
6C x 0.75 mm ²	6 x 24/0.20	38,200
7C x 0.75 mm ²	7 x 24/0.20	42,900
8C x 0.75 mm ²	8 x 24/0.20	45,200
9C x 0.75 mm ²	9 x 24/0.20	49,200
10C x 0.75 mm ²	10 x 24/0.20	51,900
11C x 0.75 mm ²	11 x 24/0.20	58,200
12C x 0.75 mm ²	12 x 24/0.20	62,200
13C x 0.75 mm ²	13 x 24/0.20	66,000
14C x 0.75 mm ²	14 x 24/0.20	69,800
15C x 0.75 mm ²	15 x 24/0.20	76,600
16C x 0.75 mm ²	16 x 24/0.20	77,800
17C x 0.75 mm ²	17 x 24/0.20	81,200
18C x 0.75 mm ²	18 x 24/0.20	85,000
19C x 0.75 mm ²	19 x 24/0.20	87,950
20C x 0.75 mm ²	20 x 24/0.20	91,800
21C x 0.75 mm ²	21 x 24/0.20	94,650
22C x 0.75 mm ²	22 x 24/0.20	98,700
23C x 0.75 mm ²	23 x 24/0.20	102,400
24C x 0.75 mm ²	24 x 24/0.20	106,700
25C x 0.75 mm ²	25 x 24/0.20	110,200
26C x 0.75 mm ²	26 x 24/0.20	113,850
27C x 0.75 mm ²	27 x 24/0.20	117,700
28C x 0.75 mm ²	28 x 24/0.20	120,550
29C x 0.75 mm ²	29 x 24/0.20	126,300
30C x 0.75 mm ²	30 x 24/0.20	129,400

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY BỌC PVC/PVC (VCT - SB) - (450/750V)

SỐ : GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển có lưới. VCT - SB		
2C x 1.0 mm ²	2 x 32/0.20	21,300
3C x 1.0 mm ²	3 x 32/0.20	26,100
4C x 1.0 mm ²	4 x 32/0.20	37,400
5C x 1.0 mm ²	5 x 32/0.20	41,650
6C x 1.0 mm ²	6 x 32/0.20	49,450
7C x 1.0 mm ²	7 x 32/0.20	51,900
8C x 1.0 mm ²	8 x 32/0.20	57,650
9C x 1.0 mm ²	9 x 32/0.20	62,200
10C x 1.0 mm ²	10 x 32/0.20	65,450
11C x 1.0 mm ²	11 x 32/0.20	73,800
12C x 1.0 mm ²	12 x 32/0.20	77,800
13C x 1.0 mm ²	13 x 32/0.20	84,050
14C x 1.0 mm ²	14 x 32/0.20	89,100
15C x 1.0 mm ²	15 x 32/0.20	95,600
16C x 1.0 mm ²	16 x 32/0.20	98,600
17C x 1.0 mm ²	17 x 32/0.20	105,200
18C x 1.0 mm ²	18 x 32/0.20	109,400
19C x 1.0 mm ²	19 x 32/0.20	114,450
20C x 1.0 mm ²	20 x 32/0.20	118,200
21C x 1.0 mm ²	21 x 32/0.20	123,100
22C x 1.0 mm ²	22 x 32/0.20	128,500
23C x 1.0 mm ²	23 x 32/0.20	132,150
24C x 1.0 mm ²	24 x 32/0.20	136,000
25C x 1.0 mm ²	25 x 32/0.20	142,400
26C x 1.0 mm ²	26 x 32/0.20	147,300
27C x 1.0 mm ²	27 x 32/0.20	152,400
28C x 1.0 mm ²	28 x 32/0.20	157,650
29C x 1.0 mm ²	29 x 32/0.20	163,450
30C x 1.0 mm ²	30 x 32/0.20	168,300

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển có lưới. VCT - SB		
2C x 1.25 mm ²	2 x 40/0.20	27,250
3C x 1.25 mm ²	3 x 40/0.20	34,900
4C x 1.25 mm ²	4 x 40/0.20	47,300
5C x 1.25 mm ²	5 x 40/0.20	48,450
6C x 1.25 mm ²	6 x 40/0.20	58,100
7C x 1.25 mm ²	7 x 40/0.20	63,600
8C x 1.25 mm ²	8 x 40/0.20	68,700
9C x 1.25 mm ²	9 x 40/0.20	72,600
10C x 1.25 mm ²	10 x 40/0.20	80,400
11C x 1.25 mm ²	11 x 40/0.20	86,850
12C x 1.25 mm ²	12 x 40/0.20	93,400
13C x 1.25 mm ²	13 x 40/0.20	99,300
14C x 1.25 mm ²	14 x 40/0.20	107,500
15C x 1.25 mm ²	15 x 40/0.20	113,100
16C x 1.25 mm ²	16 x 40/0.20	120,300
17C x 1.25 mm ²	17 x 40/0.20	125,100
18C x 1.25 mm ²	18 x 40/0.20	130,050
19C x 1.25 mm ²	19 x 40/0.20	136,200
20C x 1.25 mm ²	20 x 40/0.20	141,000
21C x 1.25 mm ²	21 x 40/0.20	147,000
22C x 1.25 mm ²	22 x 40/0.20	153,550
23C x 1.25 mm ²	23 x 40/0.20	159,600
24C x 1.25 mm ²	24 x 40/0.20	165,400
25C x 1.25 mm ²	25 x 40/0.20	171,400
26C x 1.25 mm ²	26 x 40/0.20	177,400
27C x 1.25 mm ²	27 x 40/0.20	184,600
28C x 1.25 mm ²	28 x 40/0.20	190,100
29C x 1.25 mm ²	29 x 40/0.20	196,850
30C x 1.25 mm ²	30 x 40/0.20	203,050

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY BỌC PVC/PVC (VCT - SB) - (450/750V)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển có lưới. VCT - SB		
2C x 1.5 mm ²	2 x 48/0.2	30,000
3C x 1.5 mm ²	3 x 48/0.2	39,950
4C x 1.5 mm ²	4 x 48/0.2	50,200
5C x 1.5 mm ²	5 x 48/0.2	58,250
6C x 1.5 mm ²	6 x 48/0.2	68,250
7C x 1.5 mm ²	7 x 48/0.2	76,000
8C x 1.5 mm ²	8 x 48/0.2	78,300
9C x 1.5 mm ²	9 x 48/0.2	85,700
10C x 1.5 mm ²	10 x 48/0.2	97,500
11C x 1.5 mm ²	11 x 48/0.2	104,200
12C x 1.5 mm ²	12 x 48/0.2	111,350
13C x 1.5 mm ²	13 x 48/0.2	119,400
14C x 1.5 mm ²	14 x 48/0.2	126,850
15C x 1.5 mm ²	15 x 48/0.2	136,050
16C x 1.5 mm ²	16 x 48/0.2	143,700
17C x 1.5 mm ²	17 x 48/0.2	149,800
18C x 1.5 mm ²	18 x 48/0.2	157,300
19C x 1.5 mm ²	19 x 48/0.2	162,700
20C x 1.5 mm ²	20 x 48/0.2	169,700
21C x 1.5 mm ²	21 x 48/0.2	177,000
22C x 1.5 mm ²	22 x 48/0.2	186,500
23C x 1.5 mm ²	23 x 48/0.2	192,250
24C x 1.5 mm ²	24 x 48/0.2	200,200
25C x 1.5 mm ²	25 x 48/0.2	207,500
26C x 1.5 mm ²	26 x 48/0.2	213,800
27C x 1.5 mm ²	27 x 48/0.2	222,450
28C x 1.5 mm ²	28 x 48/0.2	228,450
29C x 1.5 mm ²	29 x 48/0.2	235,300
30C x 1.5 mm ²	30 x 48/0.2	238,050

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
Dây điều khiển có lưới. VCT - SB		
2C x 2.5 mm ²	2 x 80/0.2	42,950
3C x 2.5 mm ²	3 x 80/0.2	56,500
4C x 2.5 mm ²	4 x 80/0.2	70,400
5C x 2.5 mm ²	5 x 80/0.2	77,600
6C x 2.5 mm ²	6 x 80/0.2	91,750
7C x 2.5 mm ²	7 x 80/0.2	107,050
8C x 2.5 mm ²	8 x 80/0.2	119,200
9C x 2.5 mm ²	9 x 80/0.2	123,500
10C x 2.5 mm ²	10 x 80/0.2	137,450
11C x 2.5 mm ²	11 x 80/0.2	146,800
12C x 2.5 mm ²	12 x 80/0.2	160,900
13C x 2.5 mm ²	13 x 80/0.2	172,900
14C x 2.5 mm ²	14 x 80/0.2	179,700
15C x 2.5 mm ²	15 x 80/0.2	190,800
16C x 2.5 mm ²	16 x 80/0.2	205,950
17C x 2.5 mm ²	17 x 80/0.2	218,000
18C x 2.5 mm ²	18 x 80/0.2	228,400
19C x 2.5 mm ²	19 x 80/0.2	239,800
20C x 2.5 mm ²	20 x 80/0.2	248,000
21C x 2.5 mm ²	21 x 80/0.2	259,350
22C x 2.5 mm ²	22 x 80/0.2	266,200
23C x 2.5 mm ²	23 x 80/0.2	287,000
24C x 2.5 mm ²	24 x 80/0.2	291,500
25C x 2.5 mm ²	25 x 80/0.2	308,950
26C x 2.5 mm ²	26 x 80/0.2	320,300
27C x 2.5 mm ²	27 x 80/0.2	335,600
28C x 2.5 mm ²	28 x 80/0.2	343,800
29C x 2.5 mm ²	29 x 80/0.2	355,200
30C x 2.5 mm ²	30 x 80/0.2	361,050

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỆN MỀM

DÂY ĐIỆN MỀM BỌC PVC (VSF) - (450/750V)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
VSF 0.25mm ²	0.20	1,700
VSF 0.5mm ²	0.20	2,900
VSF 0.75mm ²	0.20	3,660
VSF 1.0mm ²	0.20	4,900
VSF 1.25mm ²	0.20	6,000
VSF 1.5mm ²	0.20	7,100
VSF 2.0mm ²	0.20	9,200
VSF 2.5mm ²	0.20	11,350
VSF 3.5mm ²	0.20	15,800
VSF 4.0mm ²	0.20	17,800
VSF 5.5mm ²	0.20	24,500
VSF 6.0mm ²	0.20	26,400
VSF 8.0mm ²	0.20	35,400
VSF 10mm ²	0.20	43,300
VSF 11mm ²	0.20	47,300
VSF 14mm ²	0.20	59,300
VSF 16mm ²	0.20	67,600
VSF 22mm ²	0.20	92,213
VSF 25mm ²	0.20	101,000
VSF 35mm ²	0.20	141,400
VSF 50mm ²	0.20	195,100
VSF 70mm ²	0.20	275,600
VSF 75mm ²	0.20	295,100
VSF 95mm ²	0.20	375,550
VSF 100mm ²	0.20	394,650
VSF 120mm ²	0.20	478,400
VSF 150mm ²	0.20	576,950
VSF 185mm ²	0.20	699,800
VSF 240mm ²	0.20	902,950
VSF 300mm ²	0.20	1,128,200

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỆN MỀM

DÂY ĐIỆN MỀM CHẠM CHÁY (VSF/HR-LF) - (0,6/1KV)

SỐ : GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
VSF/HR-LF 0.25mm ²	0.20	1,870
VSF/HR-LF 0.5mm ²	0.20	3,190
VSF/HR-LF 0.75mm ²	0.20	4,026
VSF/HR-LF 1.0mm ²	0.20	5,390
VSF/HR-LF 1.25mm ²	0.20	6,600
VSF/HR-LF 1.5mm ²	0.20	7,810
VSF/HR-LF 2.0mm ²	0.20	10,120
VSF/HR-LF 2.5mm ²	0.20	12,485
VSF/HR-LF 3.5mm ²	0.20	17,380
VSF/HR-LF 4.0mm ²	0.20	19,580
VSF/HR-LF 5.5mm ²	0.20	26,950
VSF/HR-LF 6.0mm ²	0.20	29,040
VSF/HR-LF 8.0mm ²	0.20	38,940
VSF/HR-LF 10mm ²	0.20	47,630
VSF/HR-LF 11mm ²	0.20	52,030
VSF/HR-LF 14mm ²	0.20	65,230
VSF/HR-LF 16mm ²	0.20	74,360
VSF/HR-LF 22mm ²	0.20	101,434
VSF/HR-LF 25mm ²	0.20	111,100
VSF/HR-LF 35mm ²	0.20	155,540
VSF/HR-LF 50mm ²	0.20	214,610
VSF/HR-LF 70mm ²	0.20	303,160
VSF/HR-LF 75mm ²	0.20	324,610
VSF/HR-LF 95mm ²	0.20	413,105
VSF/HR-LF 100mm ²	0.20	434,115
VSF/HR-LF 120mm ²	0.20	526,240
VSF/HR-LF 150mm ²	0.20	634,645
VSF/HR-LF 185mm ²	0.20	769,780
VSF/HR-LF 240mm ²	0.20	993,245
VSF/HR-LF 300mm ²	0.20	1,241,020

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN

DÂY ĐIỀU KHIỂN MỀM (VCTF) - (450/750V)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)		
	2 RUỘT	3 RUỘT	4 RUỘT
VCTF 1.0mm ²	14,600	19,200	27,200
VCTF 1.5mm ²	19,700	29,750	37,600
VCTF 2mm ²	24,200	35,450	46,200
VCTF 2.5mm ²	30,150	43,900	56,200
VCTF 3.5mm ²	40,250	57,300	75,400
VCTF 4mm ²	45,300	65,500	82,800
VCTF 5.5mm ²	55,700	86,700	114,700
VCTF 6mm ²	59,450	92,400	126,700
VCTF 8mm ²	78,000	120,950	160,300
VCTF 10mm ²	95,900	149,300	191,600
VCTF 14mm ²	131,950	204,800	270,900
VCTF 16mm ²	145,700	232,100	329,600
VCTF 22mm ²	200,000	315,000	416,100
VCTF 25mm ²	224,750	356,350	462,400
VCTF 35mm ²	313,050	493,000	656,300
VCTF 38mm ²	337,700	530,350	706,100
VCTF 50mm ²	428,300	669,800	892,900
VCTF 70mm ²	596,900	916,300	1,226,250
VCTF 95mm ²	794,900	1,242,600	1,625,800
VCTF 100mm ²	806,100	1,258,600	1,649,250
VCTF 120mm ²	973,000	1,519,150	1,988,600
VCTF 125mm ²	1,005,500	1,575,750	2,054,600
VCTF 150mm ²	1,208,800	1,889,600	2,464,800

BẢNG GIÁ DÂY VÀ CÁP ĐIỆN

CÁP HÀN - (WELDING CABLES)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
CÁP 16 mm ²	100 - 200 - 500m/Cuộn	64,900
CÁP 25 mm ²	100 - 200 - 500m/Cuộn	95,200
CÁP 35 mm ²	100 - 200 - 500m/Cuộn	135,900
CÁP 50 mm ²	100 - 200 - 500m/Cuộn	185,600
CÁP 70 mm ²	100 - 200 - 500m/Cuộn	273,600
CÁP 95 mm ²	100 - 200 - 500m/Cuộn	347,900
CÁP 100 mm ²	Theo yêu cầu	379,800
CÁP 120 mm ²	Theo yêu cầu	448,700
CÁP 150 mm ²	Theo yêu cầu	570,750
CÁP 185 mm ²	Theo yêu cầu	692,500
CÁP 200 mm ²	Theo yêu cầu	754,000
CÁP 240 mm ²	Theo yêu cầu	902,300
CÁP 300 mm ²	Theo yêu cầu	1,120,700

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng



BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

DÂY ĐIỆN HẠ THỂ CU/PVC (IV) - (0.6/1kV)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
1.25mm ²	7/0.45	4,740
1.5mm ²	7/0.53	5,880
2mm ²	7/0.6	7,200
2.5mm ²	7/0.67	8,880
3.5mm ²	7/0.8	12,240
4mm ²	7/0.85	13,800
5.5mm ²	7/1.0	18,720
6mm ²	7/1.04	20,160
8mm ²	7/1.2	26,760
10mm ²	7/1.35	33,720
11mm ²	7/1.4	36,120
14mm ²	7/1.6	47,160
16mm ²	7/1.7	52,680
22mm ²	7/2.0	73,200
25mm ²	7/2.14	82,440
30mm ²	7/2.3	95,520
35mm ²	7/2.52	113,640
38mm ²	7/2.6	122,040
50mm ²	19/1.80	158,880
60mm ²	19/2.0	195,120
70mm ²	19/2.14	222,360
80mm ²	19/2.3	257,640
95mm ²	19/2.52	307,200
100mm ²	19/2.6	327,480
120mm ²	37/2.03	389,280
125mm ²	19/2.9	406,800

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
150mm ²	37/2.25	500,280
185mm ²	37/2.52	614,880
200mm ²	37/2.6	655,080
240mm ²	61/2.25	810,000
250mm ²	61/2.3	847,320
300mm ²	61/2.52	1,016,040
325mm ²	61/2.6	1,080,720
400mm ²	61/2.85	1,341,000
500mm ²	61/3.2	1,633,560
630mm ²	127/2.52	2,088,480
DÂY ĐÔI MỀM DẪN BỌC PVC/PVC (Vcmo)		
2C x 0.75mm ²	24/0.2	8,040
2C x 1.0mm ²	32/0.2	9,960
2C x 1.5mm ²	30/0.25	13,080
2C x 2.5mm ²	50/0.25	20,040
2C x 4.0mm ²	56/0.3	29,640
2C x 6.0mm ²	84/0.3	43,320
DÂY ĐÔI MỀM DẪN BỌC PVC (Vcmd)		
2C x 0.5mm ²	16/0.20	4,920
2C x 0.75mm ²	24/0.20	6,600
2C x 1.0mm ²	32/0.20	8,400
2C x 1.5mm ²	30/0.25	11,400
CÁP ĐIỆN NĂNG LƯỢNG SOLAR DC		
H1Z2Z2-K - 4.0sqmm - 1.5 KV DC		18,000
H1Z2Z2-K - 6.0sqmm - 1.5 KV DC		28,000

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

CÁP ĐIỆN HẠ THẾ CU/PVC/PVC (CVV) - (0.6/1kV)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)		
		2C	3C	4C
0.75mm ²	7/0.37	10,080	14,400	20,640
1mm ²	7/0.43	12,120	17,640	23,760
1.25mm ²	7/0.45	13,200	19,800	25,680
1.5mm ²	7/0.53	16,440	21,720	28,800
2mm ²	7/0.6	18,600	25,200	32,520
2.5mm ²	7/0.67	22,920	31,560	45,360
3.5mm ²	7/0.8	29,280	41,040	52,800
4.0mm ²	7/0.85	34,440	48,120	62,160
5.5mm ²	7/1.0	44,280	61,800	79,920
6mm ²	7/1.04	48,960	69,000	89,640
8mm ²	7/1.2	61,560	86,880	113,040
10mm ²	7/1.35	74,880	106,680	140,160
11mm ²	7/1.4	81,240	115,080	150,240
14mm ²	7/1.6	104,400	148,920	195,600
16mm ²	7/1.7	114,360	176,160	216,000
22mm ²	7/2.0	159,720	228,840	300,360
25mm ²	7/2.14	178,560	257,280	338,160
30mm ²	7/2.3	206,400	297,600	391,440
35mm ²	7/2.52	242,640	351,240	462,360
38mm ²	7/2.6	262,320	379,200	498,840
50mm ²	19/1.78	328,560	476,520	629,400
60mm ²	19/2.0	414,600	601,080	793,680
70mm ²	19/2.14	459,240	681,960	899,760
80mm ²	19/2.3	543,840	789,720	1,045,200
95mm ²	19/2.52	646,680	939,600	1,241,520
100mm ²	19/2.6	705,720	1,027,440	1,358,880
120mm ²	37/2.03	835,440	1,217,400	1,609,440

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

CÁP ĐIỆN HẠ THẾ CU/PVC/PVC (CVV 3+1) - (0.6/1kV)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
3C x 2.5mm ² + 1C x 1.5mm ²	7/0.67 + 7/0.53	42,960
3C x 4mm ² + 1C x 2.5 mm ²	7/0.85 + 7/0.67	60,360
3C x 6mm ² + 1C x 4mm ²	7/1.04 + 7/0.85	79,200
3C x 10mm ² + 1C x 6mm ²	7/1.35 + 7/1.04	128,160
3C x 10mm ² + 1C x 8mm ²	7/1.35 + 7/1.2	142,440
3C x 14mm ² + 1C x 10mm ²	7/1.6 + 7/1.35	183,600
3C x 16mm ² + 1C x 10mm ²	7/1.7 + 7/1.35	198,600
3C x 16mm ² + 1C x 11mm ²	7/1.7 + 7/1.4	200,880
3C x 25mm ² + 1C x 10mm ²	7/2.14 + 7/1.35	287,280
3C x 25mm ² + 1C x 16mm ²	7/2.14 + 7/1.7	305,760
3C x 35mm ² + 1C x 16mm ²	7/2.52 + 7/1.7	399,120
3C x 35mm ² + 1C x 22mm ²	7/2.52 + 7/2.0	419,280
3C x 35mm ² + 1C x 25mm ²	7/2.52 + 7/2.14	429,240
3C x 50mm ² + 1C x 22mm ²	19/1.78 + 7/2.0	542,160
3C x 50mm ² + 1C x 25mm ²	19/1.78 + 7/2.14	552,240
3C x 50mm ² + 1C x 35mm ²	19/1.78 + 7/2.52	583,080
3C x 50mm ² + 1C x 38mm ²	19/1.78 + 7/2.6	605,280
3C x 70mm ² + 1C x 25mm ²	19/2.14 + 7/2.14	754,080
3C x 70mm ² + 1C x 35mm ²	19/2.14 + 7/2.52	784,920
3C x 95mm ² + 1C x 50mm ²	19/2.52 + 19/1.78	1,100,760
3C x 120mm ² + 1C x 70mm ²	37/2.03 + 19/2.14	1,451,160
3C x 120mm ² + 1C x 95mm ²	37/2.03 + 19/2.52	1,527,360

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng



BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN
CÁP ĐIỆN HẠ THẾ CU/XLPE/PVC (CXV) - 0.6/1kV

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢ/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)			
		1-RUỘT	2-RUỘT	3-RUỘT	4-RUỘT
1.5mm ²	7/0.53	7,440	18,120	24,360	34,200
2mm ²	7/0.6	9,360	20,400	30,960	40,920
2.5mm ²	7/0.67	12,100	25,320	37,680	49,080
3.5mm ²	7/0.8	15,000	31,200	43,920	59,040
4mm ²	7/0.85	17,520	36,120	49,560	72,000
5.5mm ²	7/1.0	21,360	46,800	66,240	86,400
6mm ²	7/1.04	24,480	50,520	70,320	91,440
8mm ²	7/1.2	30,000	65,760	92,880	119,520
10mm ²	7/1.35	37,920	81,360	114,960	151,200
11mm ²	7/1.4	43,200	84,960	122,400	161,280
14mm ²	7/1.6	50,400	109,200	156,240	205,920
16mm ²	7/1.7	57,000	119,760	185,880	228,240
22mm ²	7/2.0	78,720	165,600	239,040	313,920
25mm ²	7/2.14	87,840	186,480	272,160	357,120
30mm ²	7/2.3	102,360	213,120	311,040	408,960
35mm ²	7/2.52	121,200	253,440	375,840	485,280
38mm ²	7/2.6	131,160	272,160	396,000	518,640
50mm ²	19/1.78	171,000	345,720	504,480	666,720
60mm ²	19/2.0	209,400	432,000	626,400	828,000
70mm ²	19/2.14	237,600	482,400	720,000	953,280
80mm ²	19/2.3	275,040	571,680	837,360	1,116,240
95mm ²	19/2.52	329,780	683,040	982,080	1,302,480
100mm ²	19/2.6	350,040	719,880	1,059,120	1,400,400
120mm ²	37/2.03	416,880	852,240	1,247,760	1,654,560
125mm ²	19/2.9	432,600	897,120	1,298,760	1,731,120
150mm ²	37/2.25	537,000	1,090,200	1,608,840	2,110,680
185mm ²	37/2.52	627,720	1,347,600	1,979,280	2,630,280
200mm ²	37/2.6	668,160	1,434,720	2,112,120	2,799,960
240mm ²	61/2.25	828,240	1,775,640	2,608,080	3,359,880
250mm ²	61/2.3	864,000	1,850,880	2,724,720	3,613,200
300mm ²	61/2.52	1,033,920	2,218,440	3,261,960	4,333,560
325mm ²	61/2.6	1,099,800	-	-	-
400mm ²	61/2.85	1,361,280	-	-	-
500mm ²	61/3.2	1,651,080	-	-	-
630mm ²	127/2.52	2,140,320	-	-	-

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng



BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

CÁP ĐIỆN HẠ THẾ CU/XLPE/PVC (CXV3+1) - 0.6/1kV

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
3C x 2.5mm ² + 1C x 1.5mm ²	7/0.67 + 7/0.53	46,560
3C x 4mm ² + 1C x 2.5mm ²	7/0.85 + 7/0.67	67,440
3C x 6mm ² + 1C x 4mm ²	7/1.04 + 7/0.85	84,480
3C x 10mm ² + 1C x 6mm ²	7/1.35 + 7/1.04	138,480
3C x 16mm ² + 1C x 10mm ²	7/1.7 + 7/1.35	215,160
3C x 25mm ² + 1C x 10mm ²	7/2.14 + 7/1.35	309,600
3C x 25mm ² + 1C x 16mm ²	7/2.14 + 7/1.7	330,240
3C x 35mm ² + 1C x 16mm ²	7/2.52 + 7/1.7	431,760
3C x 35mm ² + 1C x 22mm ²	7/2.52 + 7/2.0	452,760
3C x 35mm ² + 1C x 25mm ²	7/2.52 + 7/2.14	463,920
3C x 50mm ² + 1C x 25mm ²	19/1.78 + 7/2.14	600,720
3C x 50mm ² + 1C x 35mm ²	19/1.78 + 7/2.52	626,640
3C x 70mm ² + 1C x 25mm ²	19/2.14 + 7/2.14	816,960
3C x 70mm ² + 1C x 35mm ²	19/2.14 + 7/2.52	848,040
3C x 70mm ² + 1C x 50mm ²	19/2.14 + 19/1.78	858,120
3C x 95mm ² + 1C x 50mm ²	19/2.52 + 19/1.78	1,159,200
3C x 95mm ² + 1C x 70mm ²	19/2.52 + 19/2.14	1,190,280
3C x 120mm ² + 1C x 70mm ²	37/2.03 + 19/2.14	1,480,200
3C x 120mm ² + 1C x 95mm ²	37/2.03 + 19/2.52	1,557,960
3C x 150mm ² + 1C x 70mm ²	37/2.3 + 19/2.14	1,839,000
3C x 150mm ² + 1C x 95mm ²	37/2.3 + 19/2.52	1,914,360
3C x 150mm ² + 1C x 120mm ²	37/2.3 + 37/2.03	2,008,800
3C x 185mm ² + 1C x 95mm ²	37/2.52 + 19/2.52	2,256,960
3C x 185mm ² + 1C x 120mm ²	37/2.52 + 37/2.03	2,400,240
3C x 240mm ² + 1C x 120mm ²	61/2.25 + 37/2.03	2,898,480
3C x 240mm ² + 1C x 150mm ²	61/2.25 + 37/2.3	2,956,440
3C x 240mm ² + 1C x 185mm ²	61/2.25 + 37/2.52	3,015,600
3C x 300mm ² + 1C x 240mm ²	61/2.52 + 61/2.25	3,949,320

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

CÁP CHỐNG CHÁY CU/MICA/PVC-FR (IV/FR) - (0.6/1kV)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
1.25mm ²	7/0.45	5,690
1.5mm ²	7/0.53	7,060
2.5mm ²	7/0.67	10,660
4mm ²	7/0.85	16,560
6mm ²	7/1.04	24,200
10mm ²	7/1.35	40,470
16mm ²	7/1.7	63,220
25mm ²	7/2.14	98,930
30mm ²	7/2.3	114,630
35mm ²	7/2.52	136,370
50mm ²	19/1.80	190,660
70mm ²	19/2.14	266,840
80mm ²	19/2.3	309,170
95mm ²	19/2.52	368,640
100mm ²	19/2.6	392,980
120mm ²	37/2.03	467,140
150mm ²	37/2.25	600,340
185mm ²	37/2.52	737,860
200mm ²	37/2.6	786,100
240mm ²	61/2.25	972,000
250mm ²	61/2.3	1,016,790
300mm ²	61/2.52	1,219,250
325mm ²	61/2.6	1,296,870

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

CÁP CHỐNG CHÁY CU/MICA/PVC/PVC-FR (CVV/FR) - (0.6/1kV)

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)		
		2C	3C	4C
1.25mm ²	7/0.45	15,840	23,760	30,820
1.5mm ²	7/0.53	19,730	26,070	34,560
2mm ²	7/0.6	22,320	30,240	39,030
2.5mm ²	7/0.67	27,510	37,880	54,440
3.5mm ²	7/0.8	35,140	49,250	63,360
4.0mm ²	7/0.85	41,330	57,750	74,600
5.5mm ²	7/1.0	53,140	74,160	95,910
6mm ²	7/1.04	58,760	82,800	107,570
8mm ²	7/1.2	73,880	104,260	135,650
10mm ²	7/1.35	89,860	128,020	168,200
11mm ²	7/1.4	97,490	138,100	180,290
14mm ²	7/1.6	125,280	178,710	234,720
16mm ²	7/1.7	137,240	211,400	259,200
22mm ²	7/2.0	191,670	274,610	360,440
25mm ²	7/2.14	214,280	308,740	405,800
30mm ²	7/2.3	247,680	357,120	469,730
35mm ²	7/2.52	291,170	421,490	554,840
38mm ²	7/2.6	314,790	455,040	598,610
50mm ²	19/1.78	394,280	571,830	755,280
60mm ²	19/2.0	497,520	721,300	952,420
70mm ²	19/2.14	551,090	818,360	1,079,720
80mm ²	19/2.3	652,610	947,670	1,254,240
95mm ²	19/2.52	776,020	1,127,520	1,489,830
100mm ²	19/2.6	846,870	1,232,930	1,630,660
120mm ²	37/2.03	1,002,530	1,460,880	1,931,330

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng



BẢNG GIÁ DÂY CÁP ĐIỆN

CÁP CHỐNG CHÁY CU/MICA/XLPE/PVC-FR (CXV/FR) - 0.6/1kV

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)			
		1-RUỘT	2-RUỘT	3-RUỘT	4-RUỘT
1.5mm ²	7/0.53	8,930	21,750	29,240	41,040
2.5mm ²	7/0.67	14,520	30,420	45,220	58,900
4mm ²	7/0.85	21,030	43,350	59,480	86,400
6mm ²	7/1.04	29,380	60,630	84,390	109,730
10mm ²	7/1.35	45,510	97,640	137,960	181,440
14mm ²	7/1.6	60,480	131,040	187,490	247,110
16mm ²	7/1.7	68,400	143,720	223,060	273,890
22mm ²	7/2.0	94,470	198,720	286,850	376,710
25mm ²	7/2.14	105,410	223,780	326,600	428,550
30mm ²	7/2.3	122,840	255,750	373,250	490,760
35mm ²	7/2.52	145,440	304,130	451,010	582,340
38mm ²	7/2.6	157,400	326,600	475,200	622,370
50mm ²	19/1.78	205,200	414,870	605,380	800,070
60mm ²	19/2.0	251,280	518,400	751,680	993,600
70mm ²	19/2.14	285,120	578,880	864,000	1,143,940
80mm ²	19/2.3	330,050	686,020	1,004,840	1,339,490
95mm ²	19/2.52	395,740	819,650	1,178,500	1,562,980
100mm ²	19/2.6	420,050	863,860	1,270,950	1,680,480
120mm ²	37/2.03	500,260	1,022,690	1,497,320	1,985,480
125mm ²	19/2.9	519,120	1,076,550	1,558,520	2,077,350
150mm ²	37/2.25	644,400	1,308,240	1,930,610	2,532,820
185mm ²	37/2.52	753,270	1,617,120	2,375,140	3,156,340
200mm ²	37/2.6	801,800	1,721,670	2,534,550	3,359,960
240mm ²	61/2.25	993,890	2,130,770	3,129,700	4,031,860
250mm ²	61/2.3	1,036,800	2,221,060	3,269,670	4,335,840
300mm ²	61/2.52	1,240,710	2,662,130	3,914,360	5,200,280
325mm ²	61/2.6	1,319,760	-	-	-
400mm ²	61/2.85	1,633,540	-	-	-
500mm ²	61/3.2	1,981,300	-	-	-
630mm ²	127/2.52	2,568,390	-	-	-

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

BẢNG GIÁ DÂY ĐIỀU KHIỂN TÍN HIỆU

SỐ: GLC 2105008

QUY CÁCH DÂY DẪN	TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
CU/PVC/OSCR/PVC (VCT/OS) 1Pair		
1P 0.5 mm ²		10,200
1P 0.75 mm ²		13,500
1P 1.0 mm ²		18,900
1P 1.5 mm ²		24,300
1P 2.5 mm ²		35,850
CU/PVC/OSCR/PVC (VCT/OS) 2Pair		
2P x 0.5 mm ²		22,500
2P x 0.75 mm ²		25,500
2P x 1.0 mm ²		33,900
2P x 1.5 mm ²		44,550
CU/PVC/OSCR/SB/PVC (VCT/OS/SB) RS485		
1P 24AWG		14,800
1P 22AWG		16,800
1P 20AWG		19,000
1P 18AWG		23,000
1P 16AWG		36,500
2P 20AWG		35,800
2P 18AWG		43,800

QUY CÁCH DÂY DẪN	KẾT CẤU (SỐ SỢI/MM)	ĐƠN GIÁ (VNĐ/M)
CU/PVC/OSCR/FR (VCT/OS/FR) 1Pair		
1P 0.5 mm ²		13,500
1P 0.75 mm ²		17,500
1P 1.0 mm ²		24,500
1P 1.5 mm ²		31,500
1P 2.5 mm ²		46,600
CU/PVC/OSCR/FR (VCT/OS/FR) 2Pair		
2P x 0.5 mm ²		29,000
2P x 0.75 mm ²		33,000
2P x 1.0 mm ²		44,000
2P x 1.5 mm ²		57,900
CU/PVC/OSCR/SB/FR (VCT/OS/SB/FR) RS485		
1P 24AWG		18,000
1P 22AWG		20,500
1P 20AWG		22,800
1P 18AWG		27,600
1P 16AWG		43,800
2P 20AWG		42,900
2P 18AWG		53,000

GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%
Có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng